PHỤ LỤC 1

**GIẢI THÍCH HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA, TỔNG HỢP SỐ LIỆU**

**XỬ LÝ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

**VÀ TUYỂN CHỌN ĐIỀU TRA VIÊN**

**I. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA**

1. **Khái niệm**

**- Giá sản xuất công nghiệp:** là số tiền người sản xuất hàng công nghiệp thu được do trực tiếp bán sản phẩm ra thị trường, kể cả bán tại nơi sản xuất hoặc nơi khác, ***không bao gồm*** thuế VAT và phí lưu thông thương mại, cước vận tải, nhưng bao gồm các khoản trợ cấp sản xuất (nếu có).

**- Chỉ số giá sản xuất công nghiệp:** là chỉ tiêu thống kê tương đối phản ánh xu hướng và mức độ biến động giá cả chung qua thời gian của các loại sản phẩm công nghiệp do người sản xuất công nghiệp trực tiếp bán ra thị trường.

**- Các gốc công bố chỉ số giá sản xuất công nghiệp:** Chỉ số giá sản xuất công nghiệp được tính và công bố hàng quý theo các gốc: năm gốc 2015, cùng kỳ năm trước và quý trước. Chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng và năm được công bố theo các gốc so sánh: kỳ gốc năm 2015 và cùng kỳ năm trước.

**2. Hướng dẫn đối với điều tra gián tiếp**

Cục Thống kê gửi phiếu điều tra kèm tài liệu hướng dẫn cách ghi giá cho các đơn vị điều tra. Tuy nhiên, để có được thông tin chính xác về giá, bước đầu tiên Cục Thống kê phải tổ chức hội nghị tập huấn giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung cách ghi phiếu. Cục Thống kê phải thống nhất với doanh nghiệp về các mặt hàng cần thu thập giá, sau đó có tập huấn định kỳ cho người cung cấp thông tin tại các doanh nghiệp để tránh các trường hợp giá được thu thập ở các kỳ khác nhau lại hoàn toàn khác nhau về quy cách phẩm cấp. Sau khi điền đủ các thông tin về giá của các sản phẩm/mặt hàng được chọn cung cấp giá, các đơn vị được điều tra gửi phiếu về Cục Thống kê theo đúng biểu mẫu và thời gian qui định.

**II. QUY TRÌNH TỔNG HỢP**

Quy trình và phương pháp tính giá và chỉ số giá sản xuất công nghiệp của tỉnh, thành phố, vùng và cho cả nước như sau:

**1. Tính giá và chỉ số giá cấp tỉnh**

**1.1. Tính giá bình quân tháng của tỉnh**

Tính giá bình quân thángcho từng mặt hàng trong tháng báo cáo theo phương pháp bình quân nhân giản đơn (áp dụng công thức Jevons) như sau:



Trong đó:

 là giá bình quân tháng (t) của mặt hàng i;

Pi,j làgiá của mặt hàng i tại đơn vị điều tra j;

n là số đơn vị điều tra giá của mặt hàng i được thu thập trong tháng báo cáo (t).

Ví dụ: Tại tỉnh A giá bình quân tháng 3 năm 2015 từng loại than được tính như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Danh mục | Đơn vị  điều tra 1 | Đơn vị  điều tra 2 | Đơn vị  điều tra 3 | ***Giá tháng 3*** |
| **+ Than cứng** |  |  |  |  |
| Than cục số 2 | 5000 | 5500 | 6000 | ***5484,8*** |
| Than cục số 3 | 6400 | 6800 | 7000 | ***6728,7*** |
| Than cục số 4 | 3300 | 3500 | 3800 | ***3527,4*** |

  

**1.2. Tính chỉ số giá hàng tháng cấp tỉnh**

Quy trình tính chỉ số giá:Chỉ số giá đầu tiên được tính ở cấp mặt hàng (chỉ số giá cá thể), sau đó được sử dụng để tính chỉ số giá nhóm cấp 5. Sử dụng quyền số dọc của tỉnh để tính chỉ số giá cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung của tỉnh. Sử dụng chỉ số giá tháng để tính chỉ quý; sử dụng chỉ số giá các quý để tính chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng và năm.

**Bước 1**: Tính chỉ số giá cá thể các mặt hàng tháng báo cáo so với tháng trước

Chỉ số giá cá thể các mặt hàng tháng báo cáo so với tháng trước được tính từ giá của tháng báo cáo chia cho giá tháng trước, theo công thức sau:



Trong đó:

là chỉ số cá thể mặt hàng i của tháng b/cáo (t) so với tháng trước (t-1);

 là giá bình quân tháng báo cáo (t) của mặt hàng đại diện i;

 là giá bình quân tháng trước (t-1) của mặt hàng đại diện i.

**Bước 2**:Tính chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo so với tháng trước

Chỉ số nhóm cấp 5 được tính từ các chỉ số cá thể cấp mặt hàng (trong nhóm cấp 5) theo công thức bình quân nhân giản đơn dưới đây:



Trong đó:

 là chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1);

là chỉ số giá cá thể của các mặt hàng đại diện i trong nhóm cấp 5 tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1);

n là số mặt hàng đại diện tham gia tính chỉ số giá nhóm cấp 5.

**Bước 3**: Tính chỉ số giá nhóm cấp 5 tháng báo cáo so với kỳ gốc 2015

Nối chuỗi chỉ số giá tháng báo cáo so tháng trước với tháng liền kề để được chỉ số giá tháng báo cáo so kỳ gốc theo công thức sau:



Trong đó:

** là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015 của nhóm cấp 5;

** là chỉ số giá tháng báo cáo (t) so với tháng trước (t-1) của nhóm cấp 5;

** là chỉ số giá tháng trước (t-1) so với kỳ gốc 2015.

**Bước 4**:Tính chỉ số giá tháng nhóm cấp 4 trở lên đến chỉ số giá chung của sản phẩm công nghiệp toàn tỉnh

Chỉ số giá cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung được tính từ các chỉ số giá nhóm cấp dưới (dưới cấp cần tính) kỳ báo cáo so với kỳ gốc. Áp dụng công thức bình quân nhân gia quyền với quyền số dọc tương ứng như sau:



Trong đó:

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015 của nhóm cần tính;

 là chỉ số giá kỳ tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015 của nhóm x

(nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

n là số nhóm cấp dưới x trong nhóm cần tính.

**1.3. Chỉ số giá quí cấp tỉnh**

Tính chỉ số giá quý báo cáo so với kỳ gốc năm 2015 của các nhóm cấp 5, cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số chung.

Chỉ số giá quý báo cáo so với kỳ gốc được tính từ chỉ số giá của các tháng trong quí so với kỳ gốc theo công thức bình quân nhân giản đơn sau đây :



Trong đó :

 là chỉ số giá quí so gốc cần tính

 là chỉ số giá tháng trong quí so gốc cần tính

Lưu ý:

Chỉ số giá quí I được tính từ chỉ số giá của tháng 12 năm trước, tháng 1 và tháng 2;

Chỉ số giá quí II được tính từ chỉ số giá của tháng 3, tháng 4, tháng 5;

Chỉ số giá quí III được tính từ chỉ số giá của tháng 6, tháng 7 và tháng 8;

Chỉ số giá quí IV được tính từ chỉ số giá của tháng 9, tháng 10 và tháng 11.

Ví dụ:Tính chỉ số giá quí II năm 2016 so gốc 2015 như sau

Đơn vị tính: %

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Danh muc | Chỉ số giá T3/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá T4/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá T5/2016 so với gốc 2015 | Chỉ số giá quý II/2016 so với gốc 2015 |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1.Than cứng | 108,25 | 111,55 | 116,95 | 112,19 |
| 2. Than non | 102,52 | 104,78 | 108,13 | 105,12 |





Tương tự tính chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng và cả năm như sau:

- Chỉ số giá 6 tháng đầu năm so kỳ gốc của cấp cần tính được tính theo công thức bình quân nhân của chỉ số giá tương ứng của quý I và quý II của năm đó so với kỳ gốc 2015;

- Chỉ số giá 9 tháng đầu năm so kỳ gốc của cấp cần tính, theo công thức bình quân nhân chỉ số giá cấp tương ứng của quý I, quý II và quý III của năm đó so với kỳ gốc 2015;

- Chỉ số giá cả năm 12 tháng so với gốc của cấp cần tính được tính theo công thức bình quân nhân của chỉ số giá cấp tương ứng các quý I, II, III, IV của năm đó so với kỳ gốc 2015.

**2. Tính chỉ số giá vùng**

**2.1. Tính chỉ số giá tháng cho từng vùng**

**Bước 1**:Tính chỉ số giá các nhóm cấp 5 cho từng vùng.

Chỉ số giá các nhóm cấp 5 cho từng vùng được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm cấp 5 của từng tỉnh, thành phố trong vùng với quyền số ngang tương ứng. Công thức tính như sau:



Trong đó:

 là chỉ số giá nhóm cấp 5 vùng v tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015;

 là chỉ số giá nhóm cấp 5 tỉnh j tháng báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015;

 là quyền số cố định của tỉnh j so với vùng;

m là số tỉnh của vùng tham gia tính chỉ số.

Ví dụ: Có số liệu quyền số của 5 tỉnh vùng 1 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Danh mục | Vùng 1 | Bắc Ninh | Hải Phòng | Nam Định | Hải Dương | Ninh Bình |
| 1. Than cứng | 1 | 0,20 | 0,10 | 0,15 | 0,25 | 0,30 |
| 2. Than non | 1 | 0,40 | 0,25 | 0,15 | 0,10 | 0,10 |

Chỉ số giá nhóm sản phẩm tháng 4/2016 so với tháng 3 năm 2016 của 5 tỉnh trên là:

Đơn vị tính: %

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Danh mục | Vùng 1 | Bắc Ninh | Hải Phòng | Nam Định | Hải Dương | Ninh Bình |
| 1. Than cứng | **105,13** | 102,50 | 102,60 | 105,10 | 106,20 | 106,90 |
| 2. Than non | **103,01** | 100,00 | 105,30 | 106,30 | 105,10 | 102,60 |

Chỉ số giá các nhóm cấp 5 của Vùng 1 là:

**Ithan cứng** = (102,50,2 x102,60,1 x105,10,15 x 106,20,25 x 106,90,3)1/1

= **105,13%**

**Ithan non** = (1000,4 x105,30,25 x106,30,15 x 105,10,1 x 102,60,1)1/1

= **103,01%**

**Bước 2:** Tính chỉ số giá tháng cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung từng vùng

Chỉ số giá cấp 4, 3, 2, 1 và chỉ số giá chung của từng vùng được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền của các chỉ số giá nhóm cấp dưới của vùng với quyền số dọc tương ứng phân theo các nhóm ngành của vùng đó.

Công thức tính như sau:



Trong đó:

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) của vùng so với kỳ gốc của nhóm cần tính;

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc của nhóm x   
 (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính)

n là số nhóm cấp dưới x trong nhóm cần tính.

Ví dụ : Tính chỉ số giá chung của vùng 1 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Danh mục | Quyền số dọc của vùng 1 (%) | Chỉ số giá quý I/2016 so năm 2015 (%) |
| A | 1 | 2 |
| **Chỉ số giá chung** | **1** | **106,27** |
| I. Sản phẩm khai khoáng | 0,2 | 109,45 |
| II. Sản phẩm chế biến | 0,6 | 105,75 |
| III. Điện | 0,1 | 103,73 |
| IV. Nước | 0,1 | 105,73 |

**Ivùng 1** = (109,450,2 x105,750,6 x103,730,1 x 105,730,1)1/1

= **106,27%**

**2.2. Tính chỉ số giá quí, 6 tháng, 9 tháng và cả năm cho từng vùng.**

Tính chỉ số giá quí, sử dụng chỉ số giá các tháng trong quí để tính chỉ số giá quí.

Chỉ số giá quí báo cáo so với kỳ gốc được tính từ chỉ số giá của các tháng trong quí so với kỳ gốc theo công thức bình quân nhân giản đơn sau đây:



Trong đó :

 là chỉ số giá quí so gốc cần tính

 là chỉ số giá tháng trong quí so gốc

***Tương tự:*** tính chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng và cả năm:

- Chỉ số giá 6 tháng đầu năm so kỳ gốc của cấp cần tính được tính theo công thức bình quân nhân của chỉ số giá tương ứng của quý I và quý II của năm đó so với kỳ gốc 2015;

- Chỉ số giá 9 tháng đầu năm so kỳ gốc của cấp cần tính được tính theo công thức bình quân nhân của chỉ số giá cấp tương ứng của quý I, quý II và quý III của năm đó so với kỳ gốc 2015;

- Chỉ số giá cả năm 12 tháng so với gốc của cấp cần tính được tính theo công thức bình quân nhân của chỉ số giá cấp tương ứng các quý I, II, III, IV của năm đó so với kỳ gốc 2015.

**3. Chỉ số giá cả nước**

**3.1. Tính chỉ số giá tháng cả nước**

**Bước 1:** Tính chỉ số giá các nhóm cấp 5 cả nước

Chỉ số giá các nhóm cấp 5 cả nước được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm cấp 5 từng vùng với quyền số ngang tương ứng. Công thức tính như sau:



Trong đó:

 là chỉ số giá cả nước kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc;

 là chỉ số giá vùng kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc;

 là quyền số ngang cố định của vùng v

Ví dụ: Số liệu quyền số ngang và chỉ số giá nhóm “Than cứng” như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Quyền số | Chỉ số giá (%) |
| **Cả nước** | **1** | **103,39** |
| Vùng 1 | 0,2 | 102,5 |
| Vùng 2 | 0,1 | 103,5 |
| Vùng 3 | 0,2 | 101,7 |
| Vùng 4 | 0,1 | 105,6 |
| Vùng 5 | 0,26 | 102,3 |
| Vùng 6 | 0,14 | 105,6 |

**I** **thancứngCN** = (102,50,2  x 103,50,1 x 101,70,2 x 105,60,1 x102,30,26 x105,60,14)

= **103,12%**

**Bước 2:** Tính chỉ số giá nhóm cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung cả nước.

Tính chỉ số giá các nhóm cấp 4, cấp 3, cấp 2, cấp 1 và chỉ số giá chung cả nước bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền các chỉ số giá nhóm với quyền số dọc tương ứng phân theo các nhóm sản phẩm. Công thức tính như sau:



Trong đó:

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) cả nước so với kỳ gốc 2015 của nhóm cần tính;

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015 của nhóm x   
 (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

 là quyền số cố định của nhóm x (nhóm cấp dưới cấp cần tính);

n là số nhóm cấp dưới x trong nhóm cần tính.

**3.2. Tính chỉ số giá quí, 6 tháng, 9 tháng và cả năm của cả nước**

**(**tương tự như cách tính của cấp vùng)

**4. Tính chỉ số giá so với gốc bất kỳ**

Công thức tổng quát:



Trong đó:

 là chỉ số giá kỳ (t) so với kỳ i cần so sánh;

 là chỉ số giá kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc 2015;

là chỉ số giá kỳ (i) cần so sánh so với gốc 2015.

**5. Tính chỉ số giá kỳ báo cáo so với kỳ trước**

Công thức tổng quát:



Trong đó:

 là chỉ số giá kỳ (t) so với kỳ trước (t-1);

 là chỉ số giá kỳ (t) so với kỳ gốc 2015;

là chỉ số giá kỳ (t-1) so với kỳ gốc 2015.

**6. Tính chỉ số giá năm báo cáo so với năm trước**

Công thức tổng quát:



Trong đó:

**** là chỉ số giá năm báo cáo so với năm trước;

 là chỉ số giá quý i của năm báo cáo so với năm gốc 2015**;**

 là chỉ số giá quý i của năm trước năm báo cáo so với năm gốc 2015.

**III. QUI ĐỊNH ĐẶT TÊN FILE BÁO CÁO**

*Đặt tên files báo cáo giá và chỉ số giá của tỉnh, thành phố*

1. **Báo cáo giá tháng**: GCN + mã số tỉnh + tháng báo cáo + năm báo cáo.

Ví dụ : GCN0112.16: là báo cáo giá sản xuất công nghiệp của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), tháng 12 (ghi là 12) năm 2016 (ghi là 16).

1. **Báo cáo giá quý**: GCN + mã số tỉnh + quý báo cáo + năm báo cáo.

Ví dụ: GCN01Q2.16: là báo cáo giá sản xuất công nghiệp của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), quý 2 (ghi là Q2), năm 2016 (ghi là 16).

1. **Báo cáo chỉ số giá tháng** CSGCN + mã số tỉnh + tháng báo cáo + năm báo cáo

Ví dụ: CSGCN0112.16: là báo cáo chỉ số giá sản xuất công nghiệp của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), tháng 12 (ghi là 12), năm 2016 (ghi là 16).

1. **Báo cáo chỉ số giá quý:** CSGCN + mã số tỉnh + quý báo cáo + năm báo cáo.

Ví dụ: CSGCN01Q2.16: là báo cáo chỉ số giá sản xuất công nghiệp của Hà Nội (mã tỉnh Hà Nội ghi 01), quý 2 (ghi là Q2), năm 2016 (ghi là 16).

Chú ý:mã số tỉnh theo mã số hành chính có 2 số (Phụ lục 2).

Lưu ý: Luôn phải có giải thích nguyên nhân biến động tăng giảm của sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm kèm theo báo cáo số liệu.

**IV. XỬ LÝ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

Trong quá trình điều tra ghi phiếu, điều tra viên có thể gặp một hoặc nhiều trong số các tình huống sau đây thì cần xử lý theo hướng dẫn cụ thể như sau:

**1. Trường hợp 1:** Giá thu thập có hóa đơn chứng từ

Đối với cơ sở sản xuất có hạch toán chứng từ đầy đủ: Thông thường có 2 loại hóa đơn được sử dụng khi doanh nghiệp xuất bán hàng hóa ra thị trường

a) Trường hợp đơn vị sử dụng ‘‘Hóa đơn giá trị gia tăng’’ : Trong hóa đơn, thường ghi hai loại giá là giá tính thuế (giá chưa có thuế VAT) và giá thanh toán (giá đã có thuế VAT).

*Cách xử lý*: Điều tra viên lấy mức giá tương ứng với dòng ghi giá tính thuế (giá chưa có thuế VAT), cộng với các loại trợ cấp sản xuất (nếu có).

Ví dụ : Trong hóa đơn dưới đây, mức giá chưa tính thuế (giá chưa có thuế VAT) là giá 13000đồng/kg.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hóa đơn giá trị gia tăng** Mẫu số: 01 GTKT-3LL  **Liên 2: Giao khách hàng**  *Ngày 20 tháng 6 năm 2016*  **Đơn vị bán hàng**: Công ty xxxx – Địa chỉ: xxx xx - Hà Nội  Số tài khoản:……………………Điện thoại:04.xxxxxxxx  **Tên người mua hàng**: Công ty xxxxxxxx - Địa chỉ: 130 Phố xxx, Phường xxx, Quận xxxx, Hà Nội. Điện thoại: 091xxxxxxxx  Số tài khoản:…………………Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | | |
| Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đồng) |
| 1. Thép  Ø 12 | đ/kg | 50kg | 13000 | 650.000 |
| **Cộng tiền hàng:** |  |  |  | 650.000 |
| **Thuế suất GTGT:** 10% |  |  |  | 65.000 |
| **Cộng tiền thanh toán:** |  |  |  | 715.000 |
| **Số tiền viết bằng chữ**: | Bảy trăm mười lăm ngàn đồng./. | | |  |

Trước khi ghi thông tin vào phiếu điều tra viên phải kiểm tra, quy đổi mức giá theo đơn vị tính giá đã thống nhất trong danh mục sản phẩm, cụ thể ở ví dụ này Điều tra viên ghi mức giá là 13000 nghìn đồng/kg vào phiếu điều tra.

b) Trường hợp đơn vị sử dụng ‘‘Hóa đơn bán hàng’’, giá đã có thuế VAT.

*Cách xử lý*: Điều tra viên tính lại giá không bao gồm thuế VAT để ghi thông tin vào phiếu điều tra.

Ví dụ 2: Hóa đơn bán hàng của cơ sở sản xuất bánh truyền thống ghi như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hóa đơn bán hàng** Mẫu số: ….  *Ngày 12 tháng 6 năm 2016*  **Đơn vị bán hàng**: Cơ sở sản xuất bánh xxxxxxx– Địa chỉ: , TPxxxx  Số tài khoản:……………………Điện thoại:04.xxxxxxxx  **Tên người mua hàng**: Cơ sở xxxxxxxx- Địa chỉ:103 Nguyễn Lương Bằng, TP xxxx Điện thoại: 0511.xxxxxxxx  Số tài khoản:…………………Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | | |
| Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá  (đồng/gói) | Thành tiền (đồng) |
| Bánh chả (gói 200gr) | đồng/gói | 100 | 20000 | 2.000.000 |
| ***(Trong đó đã có thuế*** | ***GTGT: 10%)*** | |  |  |
| **Cộng tiền thanh toán:** |  |  |  | 2.000.000 |
| **Số tiền viết bằng chữ**: | Hai triệu đồng chẵn./. | | |  |

Giá chưa bao gồm thuế = Giá thanh toán : (1+10%) = 20.000 : (1+0,1) = 18.182 đồng

Mức giá sản phẩm tính được là giá chưa bao gồm thuế là 18.182 đồng/ gói 200gr.

**2. Trường hợp 2:** Trong tháng điều tra, doanh nghiệp xuất nhiều đơn hàng với các mức độ chiết khấu khác nhau tùy thuộc vào giá trị hợp đồng.

Theo qui định giá thu thập phải là giá phổ biến nhất trong tháng. Phần lớn các đơn hàng lớn sẽ có mức chiết khấu lớn, do đó điều tra viên chọn ghi giá của đơn hàng có mức chiết khấu phổ biến nhất đối với những đơn hàng lớn để ghi vào phiếu điều tra.

**3. Trường hợp 3:** Sản phẩmđiều tra tạm thời biến mất khỏi thị trường, không xuất hiện trong kỳ điều tra

Sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm điều tra có thể tạm thời không xuất hiện trong một khoảng thời gian nào đó do đơn vị sản xuất tạm ngừng sản xuất mặt hàng đó hoặc do yếu tố mùa vụ của sản phẩm

*Cách xử lý:*

*-* Điều tra viên : ghi rõ nguyên nhân ở cột ghi chú của phiếu điều tra.

*-* Cục Thống kê dùng phương pháp “gán giá”.

Để có giá của sản phẩm tạm thời không xuất hiện cán bộ thống kê giá phải tính một mức giá tạm thời và gán cho mặt hàng đó, cách làm như sau:

Sử dụng công thức sau:

= x

Trong đó:

 là giá của mặt hàng D tại tháng báo cáo;

 là giá mặt hàng D tại tháng trước tháng báo cáo;

 là chỉ số giá cá thể các mặt hàng j (j=1 đến n) trong nhóm cấp 5.

***a)Lựa chọn 1***: Gán giá theo biến động giá chung của các mặt hàng còn lại trong nhóm

Trước hết, tính chỉ số giá tháng báo cáo so với tháng trước của nhóm cấp 5 (nhóm có mặt hàng D, tính chỉ số từ các mặt hàng khác trong nhóm). Sau đó tính giá của mặt hàng D ở tháng báo cáo bằng cách lấy mức giá của mặt hàng D ở tháng trước nhân với chỉ số giá vừa tính trên. Điền mức giá mới được tính vào phiếu điều tra và nhập tin.

Nếu nhóm cấp 5 chỉ có 2 mặt hàng là A và D (trong đó D biến mất tạm thời) có thể lấy ngay chỉ số giá cá thể tháng báo cáo so với tháng trước đó của mặt hàng A để tính giá tháng báo cáo của mặt hàng D.

Ví dụ: Nhà máy sản xuất bánh kẹo tạm ngừng sản xuất mặt hàng kẹo Sôcôla sữa trong 2 tháng để chờ đợt nhập nguyên liệu mới, nhóm sản phẩm này có 3 mặt hàng. Cách tính mức giá “gán” cho mặt hàng kẹo Sôcôla sữa như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt hàng | Đơn vị tính | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | CSG cá thể (%) |
| **+ Ca cao, sô côla và mứt kẹo** |  |  |  |  |
| Kẹo sôcôla sữa | đồng/kg | 95000 | **97454 (**giá gán) |  |
| Kẹo cà phê | đồng/kg | 80000 | 82000 | 102.50 |
| Kẹo hoa quả | đồng/kg | 75000 | 77000 | 102.67 |

Giá kẹo sô cô la sữa tháng 2 () sẽ được gán như sau:

= x x

= 95000 x x = 97454

***b) Lựa chọn 2:*** Gán theo biến động giá của một sản phẩm tương đồng trong nhóm

Gán giá của kẹo sô cô la sữa theo biến động giá của 1 mặt hàng trong nhóm. Có thể gán giá của kẹo sô cô la sữa theo biến động giá của kẹo café nếu như biến động giá của kẹo sô cô la sữa và kẹo cafe luôn cùng nhịp với nhau

= x

= 95000 x 97375

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt hàng | Đơn vị tính | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | CSG cá thể (%) |
| ***+* Cacao, sôcôla và mứt kẹo** |  |  |  |  |
| Kẹo sôcôla sữa | đồng/kg | 95000 | **97375** (giá gán) |  |
| Kẹo cà phê | đồng/kg | 80000 | 82000 | 102.50 |
| Kẹo hoa quả | đồng/kg | 75000 | 77000 | 102.67 |

1. **Trường hợp 4:** Mặt hàng điều tra biến mất hoàn toàn khỏi thị trường

Mặt hàng biến mất hoàn toàn do nhà sản xuất ngừng sản xuất. Trường hợp này cần tiến hành thay thế mặt hàng cũ của danh mực điều tra bằng một mặt hàng mới như sau:

***a) Phương pháp “gối đầu”***

Phương pháp này được áp dụng khi mặt hàng cũ trong danh mục và mặt hàng mới xuất hiện trên thị trường trong cùng một khoảng thời gian (có ít nhất 1 tháng gối đầu).

*Cách xử lý :*

- Điều tra viên có trách nhiệm báo cáo với Cục Thống kê, đồng thời lựa chọn mặt hàng tương ứng có qui cách phẩm cấp tương đối giống với loại mặt hàng cũ, có khả năng tồn tại lâu dài, có xu hướng phát triển và phổ biến trên thị trường. Tại kỳ báo cáo điều tra viên sẽ thu thập và điền các mức giá của cả hai sản phẩm cũ mới đồng thời ghi giải thích rõ ràng vào cột ghi chú của phiếu điều tra

**-** Cục Thống kê:Cục Thống kêchịu trách nhiệmkiểm tra, xác nhận sản phẩm đó là phù hợp để thay thế cho sản phẩm cũ bị mất hẳn, gán mã số và cập nhật cho sản phẩm mới thay thế trong nhóm sản phẩm tương ứng đồng thời báo cáo với Vụ Thống kê Giá để kiểm soát được những sản phẩm thay thế.

Lưu ý: Chỉ số giá nhóm sản phẩm của tháng báo cáo sẽ không sử dụng thông tin về giá của sản phẩm mới. Ở tháng báo cáo tiếp theo, điều tra viên chỉ cần thu thập giá của sản phẩm mới thay thế và chỉ số giá nhóm sản phẩm của tháng báo cáo tiếp theo được tính có sử dụng thông tin về giá của sản phẩm mới thay thế cho sản phẩm cũ.

- Ví dụ: Ở tháng 1, điều tra viên thu thập được giá của 2 mặt hàng là Đá dăm kính cỡ 1x2 và Đá dăm kích cỡ 2x4, theo thông tin từ đơn vị sản xuất thì đến tháng 3 họ sẽ ngừng sản xuất mặt hàng Đá dăm kích cỡ 2x4 do thị trường không có nhu cầu sử dụng, thay vào đó họ sẽ sản xuất mặt hàng mới theo yêu cầu của thị trường là mặt hàng Đá dăm có kích cỡ 4x6.

Như vậy, ở tháng 1, điều tra viên sẽ thu thập giá của Đá dăm kích cỡ 1x2 và đá dăm kích cỡ 2x4. Đến tháng 2 điều tra viên sẽ phải thu thập giá của 3 mặt hàng đá dăm với các kích cỡ tương ứng là 1x2; 2x4 và 4x6. Tháng 3 sẽ chỉ còn hai mặt hàng tiếp tục được thu thập giá là mặt hàng đá dăm kích cỡ 1x2 và đá dăm kích cỡ 4x6.

+ Chỉ số giá tháng 2 so với tháng 1 chỉ sử dụng thông tin giá của mặt hàng đá dăm kích cỡ 1x2 và đá dăm kích cỡ 2x4 (không bao gồm giá của mặt hàng đá dăm kích cỡ 4x6)

+ Chỉ số giá tháng 3 so với tháng 2 chỉ sử dụng thông tin giá của mặt hàng Đá dăm kích thước 1x2 và đá dăm kích thước 4x6.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Đơn vị tính | Giá tháng 1 | Giá tháng 2 | Giá tháng 3 |
| +**Đá khai thác các loại** |  |  |  |  |
| Đá dăm 1x2 | 1000đ/m3 | 450 | 470 | 475 |
| Đá dăm 2x4 | 1000đ/m3 | 420 | 425 | ............ |
| Đá dăm 4x6 | 1000đ/m3 | .......... | 400 | 420 |

***b) Phương pháp gán giá***

Phương pháp này được áp dụng khi mặt hàng cũ và mặt hàng mới không có khoảng thời gian nào cùng xuất hiện trên thị trường.

*Cách xử lý :*

- Điều tra viên: Điều tra viên có trách nhiệm báo cáo với Cục Thống kê về việc ngừng sản xuất của mặt hàng đó, đồng thời lựa chọn mặt hàng mới tương ứng có qui cách phẩm cấp tương đối giống với loại mặt hàng cũ cần thay thế, có khả năng tồn tại lâu dài, có xu hướng phát triển và phổ biến trên thị trường. Tại kỳ báo cáo điều tra viên chỉ thu thập và điền giá của sản phẩm mới, còn giá của sản phẩm cũ thì bỏ trống, đồng thời ghi giải thích rõ ràng vào cột ghi chú của phiếu điều tra

- Cục Thống kê:Cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện “gán giá”, cụ thể như sau:

Lấy chỉ số giá của mặt hàng gần đồng nhất có xu hướng biến động tương tự để tính lại giá kỳ trước cho mặt hàng mới

Nếu trong nhóm hàng có chứa mặt hàng biến mất hẳn có 1 mặt hàng có những đặc điểm khá tương đồng với mặt hàng biến mất hẳn (gần đồng chất) và có xu hướng biến động giá gần giống nhau thì sử dụng giá hiện tại của mặt hàng mới và chỉ số giá cá thể của mặt hàng tương đồng để tính giá gán cho mặt hàng mới thay thế ở kỳ trước.

Ví dụ: Nhóm mặt hàng “Bia đóng chai” của tỉnh A, có mặt hàng “Bia chai HN - 450ml”, nhưng đến tháng 10 trên thị trường không còn bán mặt hàng Bia chai HN- 450ml nữa mà thay bằng “Bia chai HN - 330ml”.

Vấn đề đặt ra cần thay thế Bia chai HN - 450ml bằng Bia chai HN - 330ml;

Vậy phải tính lại giá kỳ trước (giá tháng 9) cho mặt hàng Bia chai HN - 330ml

Lấy chỉ số giá mặt hàng Bia chai HQ -330ml (vì có nhiều điểm gần giống nhau với mặt hàng mới) để tính giá kỳ trước cho mặt hàng mới dùng để thay thế:

Giá “gán” cho Bia chai HN- 330ml ở kỳ trước được tính qua các bước như sau:

* Tính chỉ số giá cá thể kỳ báo cáo so với kỳ trước của Bia chai HQ-330ml
* Giá gán của mặt hàng Bia chai HN-330ml sẽ là

Chỉ số giá nhóm mặt hàng “Bia đóng chai” được tính là:



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt hàng | Đơn vị tính | Giá kỳ trước (Tháng 9) | Giá kỳ b/c (Tháng 10) | CSG cá thể kỳ b/c  so kỳ trước  (T10 so T9) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| **+ Bia đóng chai** |  |  |  | **102,77** |
| Bia chai HQ - 330ml | đ/chai | 5000 | 5200 | 104,00 |
| ***Bia chai HN - 330ml*** | đ/chai | ***5480,8*** | 5700 | ***104,00*** |
| Bia chai HN - 450ml | đ/chai | 6216 | - |  |
| Bia chai Kaisar | đ/chai | 8220 | 8250 | 100,36 |

**5. Trường hợp 5:** Mặt hàng điều tra được giảm giá đột ngột do đơn vị điều tra xả hàng tồn kho.

*Cách xử lý:* Điều tra viên vẫn thu thập giá bình thường, vì giảm giá đại trà là giá phổ biến của thị trường.

**6. Trường hợp 6:** Mặt hàng mới xuất hiện và trở nên phổ biến và cần bổ sung vào “rổ” đại diện.

*Cách xử lý :* Khi một mặt hàng mới xuất hiện và trở lên phổ biến *cần đưa mặt hàng này vào “rổ”* để tính toán. Trường hợp này thường xảy ra khi doanh nghiệp sản xuất ngừng không tiếp tục sản xuất một số mặt hàng cũ, lỗi thời để đưa ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường. Kỹ thuật xử lý được thực hiện như phương pháp “gối đầu” của trường hợp 6.

**7. Trường hợp 7:** Mặt hàng điều tra có biến động giá quá lớn không rõ nguyên nhân.

Do chủ quan: Điều tra viên lấy giá của mặt hàng sai quy cách phẩm cấp, sai đơn vị tính, sai thời điểm quy định,… Như vậy, điều tra viên phải thu thập lại giá.

Đơn vị điều tra thay đổi người làm báo cáo giá nên giá được cung cấp là giá của sản phẩm khác hoặc khác đơn vị tính. Trường hợp này cán bộ thống kê cần phải giải thích hướng dẫn lại cho người làm báo cáo để ghi giá của đúng sản phẩm cần lấy giá.

**8. Trường hợp 8:** Đơn vị điều tra không còn ở địa chỉ cũ khi điều tra viên đến thu thập giá. Khi điều tra viên đến đơn vị điều tra để thu thập số liệu định kỳ thì phát hiện được đơn vị điều tra đã chuyển đi nơi khác hoặc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Cách xử lý:*

- Điều tra viên có trách nhiệm báo ngay cho Cục Thống kê địa phương;

- Cục Thống kê cần xác minh các tình huống có thể xảy ra, nếu doanh nghiệp ngừng hoạt động sản xuất hoặc di chuyển đến tỉnh/thành phố khác thì Cục Thống kê căn cứ vào danh sách các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn có sản phẩm cùng nhóm với nhóm sản phẩm cần thu thập thông tin ở đơn vị cũ để chọn thay thế đơn vị cũ và chuẩn bị phiếu điều tra cho đơn vị mới.

Nếu doanh nghiệp chỉ chuyển trụ sở đến một địa chỉ khác nhưng vẫn đóng tại tỉnh/thành phố đó thì vẫn tiếp tục điều tra thu thập thông tin như qui định.

**9. Trường hợp 9**: Giá của một số sản phẩm do Nhà nước quản lý

*Cách xử* lý: Điều tra viên thu thập giá thời kỳ đối với một số mặt hàng do nhà nước quản lý cụ thể như sau :

* Các sản phẩm Dầu thô khai thác – nhóm 06100; Thu thập giá bình quân các giao dịch phát sinh trong tháng (từ ngày 21 của tháng trước đến ngày 20 của tháng liền kề);
* Sản phẩm chế biến từ dầu mỏ - nhóm 19200: Thu thập giá bình quân các giao dịch phát sinh trong tháng (từ ngày 21 của tháng trước đến ngày 20 của tháng liền kề);
* Sảm phẩn Điện sản xuất – nhóm 35101: Thu thập giá bình quân các giao dịch phát sinh trong tháng;
* Sản phẩm dịch vụ truyền tải và phân phối điện 35102 : Thu thập giá bình quân được tính bằng doanh thu chia cho tổng sản lượng điện thiêu thụ trong tháng;
* Sản phẩm Nước tự nhiên khai thác – nhóm 36000: Thu thập giá bình quân

**10. Trường hợp 10**: Sản phẩm có thời gian sản xuất lâu dài (là các sản phẩm phải trải qua thời gian chế tạo mất nhiều thời gian (hàng năm như tàu biển), hoặc những sản phẩm sản xuất đơn chiếc không giống nhau

Cách lấy giá mẫu: Sản phẩm làm mẫu là loại sản phẩm còn mới, thuộc loại thông thường, đã được hình thành trong quá khứ. Lấy sản phẩm mẫu làm tiêu chuẩn để định giá (hoặc ước giá) cho nhiều kỳ điều tra. Mẫu có thể thay đổi sau một số kỳ điều tra.

Ví dụ: Trong nhóm ngành “Tầu và cấu kiện nổi”, công ty Đóng tàu A thường xuyên có các đơn hàng đóng mới loại tàu: Tàu chở hàng rời (Bulk carrier) 10,500 tấn với: Chiều dài toàn bộ là 120m; Chiều cao mạn là 10m; Chiều rộng là 19,90m; Tốc độ khai thác: 14,5 hải lý/h (14,5 Knot). Khi tìm mặt hàng lấy giá vào tháng 2/2016, doanh nghiệp chọn sản phẩm tàu hàng rời, trọng tải 10,500 tấn, chiều dài 120m, chiều cao mạn 10m, chiều rộng 19,9 m với tốc độ khai thác 14,5 hải lý/h có giá sản phẩm là 10 tỷ đồng/tầu làm ***giá mẫu***. Lý do là loại tàu này là loại sản phẩm thường xuyên được các hãng vận tải ưa chuộng và chọn đặt đóng có thể thay đổi ít nhiều về thông số kỹ thuật. Khi đến kỳ báo cáo tháng 5/2016, đơn vị theo thời giá *ước giá* cho sản phẩm mẫu đó vẫn là 10 tỷ đồng/tàu.

- Cách lấy giá thành phần: Sản phẩm được chia thành một số phần nhỏ, hoặc một số phần chủ yếu, với quy cách phẩm cấp nhất định. Giá thành phần được quan sát độc lập. Giá để tính chỉ số là giá hợp thành từ giá thành phần (có quyền số hoặc không có quyền số).

Ví dụ: Như chiếc tàu trên, mỗi bộ phận của tầu đều có yêu cầu sản xuất riêng như Thiết kế, buồng máy, thân vỏ tầu.... Ở mỗi bộ phận lại có các mức giá khác nhau, sự biến động giá của từng phần cũng khác nhau. Khi tìm mặt hàng đại diện lấy giá tháng 3/2016 doanh nghiệp có thể chọn một bộ phận để thu thập giá là “Thân vỏ tầu trọng tải 10,5 tấn, chiều dài 120m, chiều cao mạn tàu 10m, rộng 19,9m” với giá thân vỏ tầu chiếm 40% so với cả chiếc tầu, tương đương với 1 tỷ đồng (giá của cả chiếc tầu là 2,5 tỷ). Đến kỳ lấy giá tiếp theo do chi phí sản xuất tăng lên, giá của chiếc tầu đóng mới là 3 tỷ đồng, giá của Thân vỏ tầu vẫn là 40% tương đương với , nhưng mức giá thực tế đã tăng lên (3 tỷ x 40% =1,2 tỷ đồng)./.

**V. TUYỂN CHỌN ĐIỀU TRA VIÊN**

Để đảm bảo thu thập giá hàng tháng với chất lượng tốt, Cục Thống kê tuyển chọn điều tra viên đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

*Có sức khỏe:* Điều tra viên phải tham gia đầy đủ các buổi tập huấn nghiệp vụ do Cục Thống kê tập huấn. Nhiệm vụ của điều tra viên phải đi thu thập giá đúng kỳ hạn, đảm bảo thu đầy đủ giá của các loại hàng hóa, dịch vụ được phân công trong những điều kiện thời tiết, thời gian, địa điểm khác nhau. Vì vậy điều tra viên phải có sức khỏe tốt hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*Có trình độ văn hóa, hiểu và nắm được các kỹ thuật xử lý đặc thù của thống kê giá:* đặc thù công việc của điều tra viên giá sản xuất công nghiệp là tiếp cận doanh nghiệp sản xuất, khai thác được các thông tin về giá trong giao dịch mua bán của doanh nghiệp, hướng dẫn cho doanh nghiệp chọn giá cung cấp chính xác và ghi chép thông tin giá đó vào phiều điều tra. Công việc này không đơn giản, đòi hỏi điều tra viên phải hiểu biết kỹ thuật điều tra giá và những quy định chặt chẽ để đảm bảo thu thập được giá theo đúng yêu cầu. Do đó, điều tra viên cần phải có trình độ văn hóa nhất định để tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, tiếp thu và nắm vững phương pháp điều tra, biết tính toán, ghi phiều điều tra.

*Trung thực, có trách nhiệm cao:* Đây là phẩm chất cần thiết của điều tra viên thống kê nói chung và điều tra viên về giá nói riêng, nhằm thu thập được những số liệu thực tế đầy đủ kịp thời. Tính trung thực, có trách nhiệm cao để bảo đảm điều tra viên không vi phạm những hành vi sai trái như không đi điều tra, tự ý đưa vào báo cáo những số liệu không đúng thực tế. Điều tra viên là người chịu trách nhiệm về thời gian và độ chính xác của thông tin ghi trên phiếu điều tra.

*Có khả năng giao tiếp:* Đơn vị điều tra của giá sản xuất công nghiệp phần lớn là các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau, do đó yêu cầu điều tra viên phải nắm chắc nghiệp vụ thu thập giá, biết cách xử lý với các trường hợp đặc thù trong thu thập giá, hướng dẫn doanh nghiệp lựa chọn sản phẩm thu thập giá phù hợp. Điều tra viên phải giải thích được cho doanh nghiệp hiểu được mục đích thu thập giá và nguyên tắc đảm bảo bí mật về thông tin của doanh nghiệp. Người điều tra viên cần có thái độ đúng mực, cởi mở, tế nhị, tạo được mối quan hệ tốt với các đơn vị điều tra, tạo được sự hợp tác với những người cung cấp thông tin, làm cho họ hiểu được rõ mục đích của việc thu thập giá, từ đó họ sẽ vui lòng cung cấp thông tin trung thực, không gây khó khăn cho người điều tra viên trong khi quan sát, lấy giá.

*Am hiểu tình hình thị trường, địa bàn điều tra:* Để thu thập được giá thường xuyên, chính xác, trên cơ sở nắm vững nghiệp vụ, điều tra viên phải là người thông thạo về tổ chức, hoạt động mua bán, thói quen sử dụng nguyên liệu tại địa bàn điều tra sẽ thuận lợi cho công việc thu thập giá. Điều tra viên có thể dễ dàng nhận biết những thay đổi về tình hình cung cấp hàng hóa theo đó bố trí, sắp xếp thời gian, cách làm phù hợp, hoặc phát hiện kịp thời những vấn đề mới phát sinh, cần điều chỉnh, thông báo kịp thời đến cơ quan thống kê địa phương.